TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2020
V/v: "*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đào;
2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 278/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 09 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu Gi - sinh năm 1971 (có mặt);

2. *Bị đơn*: Ông Lê Văn S - sinh năm 1968 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18/9/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Gi trình bày: Tôi và chồng tôi là Lê Văn S kết hôn với nhau vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương và có đăng kí kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mẹ chồng khó tính, vợ chồng tính tình không phù hợp nhau, không có tiếng nói chung, chồng thường nhậu nhẹt rồi đánh tôi. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi.

Về con chung: Có hai người con chung tên Lê Hoàng N - sinh năm 1997 và Lê Thị Huỳnh Nh – sinh ngày 01/6/2004.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với Lê Văn S.

Về con chung: Tôi yêu cầu nuôi cháu Nh và tôi không yêu cầu chồng tôi cấp dưỡng nuôi con, cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 18/9/2020 và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn S trình bày: Tôi thống nhất với lời trình bày của vợ tôi về ngày tháng năm kết hôn, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn thì vợ tôi nói không đúng, thật ra do tôi thương vợ tôi, tôi cũng có sửa đổi tính tính nhưng vợ không tha thứ cho tôi. Nay tôi không thống nhất ly hôn với vợ tôi. Nay vợ đòi ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn vì tôi còn thương vợ con nhiều lắm, tôi cũng đã hối hận việc tôi đánh và chửi vợ tôi, tôi đã sửa đổi rồi, tôi xin Tòa án cho vợ chồng tôi hàn gắn với nhau để nuôi con.

Về con chung: Có hai người con chung tên Lê Hoàng N - sinh năm 1997 và Lê Thị Huỳnh Nh – sinh ngày 01/6/2004.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Tôi muốn vợ chồng muốn đoàn tụ với nhau, tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu vợ cương quyết ly hôn và Tòa giải quyết cho ly hôn thì tùy theo nguyện vọng của con tôi, con theo ai thì người đó nuôi, bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thu Gi và ông Lê Văn S là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu Gi xác lập quan hệ hôn nhân với ông Nguyễn Văn Sinh vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phường và có làm thủ tục đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh K vào ngày 27/11/1996 cho nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà Gi xin được ly hôn với ông S vì lý do mẹ chồng khó tính, vợ chồng tính tình không phù hợp nhau, không có tiếng nói chung, chồng thường nhậu nhẹt rồi đánh bà. Bà Gi cho rằng đời sống với ông S không có hạnh phúc nên khởi kiện ra tòa xin ly hôn với ông S. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho ông bà hàn gắn nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa hôm

nay bà Gi đã tỏ rõ thái độ không còn thương yêu gì đối với ông S nữa nên cương quyết ly hôn với ông S. Còn ông S thì cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng không lớn, ông cũng thừa nhận có đánh và chửi vợ nhưng nay ông đã sửa đổi nhưng bà Gi vẫn không tha thứ. Hiện tại, ông S còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn với bà Gi. HĐXX xét thấy mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Gi.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu Gi và ông Lê Văn S xác định anh chị có hai người con chung tên Lê Hoàng N - sinh năm 1997 và Lê Thị Huỳnh Nh– sinh ngày 01/6/2004. Bà Gi yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con còn ông S thì có ý kiến tùy theo nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó nuôi và bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con. Theo bản tự khai ngày 01/10/2020 thì cháu Nh có nguyện vọng muốn sống với bà Gi. Do đó, HĐXX ghi nhận việc tự nguyện thỏa thuận của bà Gi và ông S là sau khi ly hôn sẽ giao cháu Lê Thị Huỳnh Nh – sinh ngày 01/6/2004 cho bà Gi tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Đối với cháu Lê Hoàng N - sinh năm 1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó HĐXX miễn xét.

Ông S có quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông thực hiện quyền này. Khi cần thiết ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu Gi và ông Lê Văn S xác định ông bà không có tài sản chung và cũng không có thiếu nợ ai. Do đó, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Thu Gi phải nộp do bà có yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thu Gi được ly hôn với ông Lê Văn S.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Gi và ông S là giao cháu Lê Thị Huỳnh Nh – sinh ngày 01/6/2004 cho bà Gi được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Riêng cháu Lê Hoàng N - sinh năm 1997 đã trưởng thành nên bà Gi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông S có quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông thực hiện quyền này. Khi cần thiết ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: HĐXX Miễn xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Thu Gi phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng bà được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005201, ngày 18/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Nguyễn Thị Thu Gi đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 31/12/2020.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tôn